

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 275/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thúy Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phòng

Bà Vũ Thị Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên chính

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Hà Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 66/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1974 (Có mặt)**

Đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số B N, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội;
Nghề nghiệp: Cán bộ Hội L

*** Bị đơn: Anh Đỗ Hải T, sinh năm 1974 (Có mặt)**

Đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số B N, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội;
Nghề nghiệp: Kế toán trưởng Công ty cổ phần X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị Thúy N trình bày:**

Tôi và anh Đỗ Hải T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội ngày 13/5/1997.

Quá trình chung sống chúng tôi không hạnh phúc do tính cách và lối sống không hợp nhau, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái, chăm sóc gia đình. Tôi không nhận được tình cảm của chồng mình trong hôn nhân cũng như sự chia sẻ trong công việc gia đình và cuộc sống vợ chồng. Nay, tôi không còn tình cảm với anh Đỗ Hải T nữa, cuộc sống hôn nhân của chúng tôi không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đỗ Hải T.

Về con chung: Tôi và anh Đỗ Hải T có hai con chung là Đỗ Thu G, sinh năm 1997 và Đỗ Thu T1, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn là anh Đỗ Hải T trình bày:**

Về thời gian kết hôn đúng như chị N trình bày, quá trình chung sống chúng tôi sống bình thường, hạnh phúc như nhiều cặp vợ chồng khác, thỉnh thoảng vợ chồng có

mâu thuẫn nhưng tôi nghĩ đó là việc bình thường mà gia đình nào cũng có. Tôi không đồng ý ly hôn với chị N vì tôi vẫn còn rất nhiều tình cảm với vợ. Tôi sẽ cố gắng điều chỉnh các vấn đề của bản thân trong cuộc sống để hòa hợp với vợ. Tôi đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng tôi được đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án đến nay tôi không nói chuyện được với chị N do chị N không muốn nói chuyện với tôi. Tôi nghĩ mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi thì tôi có thể tự điều chỉnh mình để phù hợp với chị N chứ chưa đến mức phải ly hôn. Ngoài ra tôi cũng không biết có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Tôi và chị Phạm Thị Thúy N có hai con chung là Đỗ Thu G, sinh năm 1997 và Đỗ Thu T1, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn – chị Phạm Thị Thúy N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Hải T. Chị N trình bày: Trong suốt thời gian chung sống, chị không nhận được tình yêu thương, sự chia sẻ của anh T. Mọi việc trong gia đình đều một mình chị lo lắng, vun vén, mặc dù anh T có công trong việc đóng góp kinh tế, đưa đón các con đi học nhưng hầu như vợ chồng không có bữa cơm chung, không có việc tâm sự, chia sẻ những cảm xúc của nhau, vì thương các con nên chị vẫn giữ cho mình nguyên tắc sống đúng mực. Do mâu thuẫn không thể giải quyết được, chị không muốn tiếp tục sống chung với anh T nữa nên tháng 12/2023 chị đã dọn về nhà anh trai chị để ở nhờ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng chưa một lần gặp gỡ và trao đổi với nhau về tình trạng hôn nhân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin kiên quyết ly hôn anh T.

* Bị đơn – Anh Đỗ Hải T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn chị N. Anh ý thức được những thói quen trong sinh hoạt của mình không phù hợp với chị N nhưng anh cho rằng đó là những việc hết sức bình thường. Khi chị N chủ động xin ly hôn, anh đã sốc vì anh chỉ nghĩ đơn giản vẫn yêu thương chị N và các con, vẫn làm tròn trách nhiệm của mình trong cuộc sống hàng ngày. Tại buổi hòa giải, anh đã hiểu và thừa nhận ít quan tâm đến cảm xúc của vợ dẫn đến tình trạng vợ chồng mặc dù sống chung trong một nhà nhưng không còn chia sẻ những vui buồn trong cuộc sống với nhau. Tháng 12/2023 chị N đã dọn ra ngoài không chung sống với anh nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, Trong thời gian ly thân, anh không kết nối được với chị N để nói chuyện về tình trạng hôn nhân và anh cũng không biết cách nào để có thể trao đổi những suy nghĩ, mong muốn của anh với chị N được. Mặc dù tha thiết được đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để níu kéo tính cảm của chị N, anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T kết hôn hợp pháp, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Thúy N. Về con chung: Chị Phạm Thị Thúy

N và anh Đỗ Hải T có hai con chung là Đỗ Thu G, sinh năm 1997 và Đỗ Thu T1, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành nên không xem xét; *Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung*: Chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị Thúy N phải chịu án phí theo quy định. Chị N và anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Phạm Thị Thúy N, anh Đỗ Hải T và bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tại phiên tòa.

Chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Hai bên kết hôn ngày 13/5/1997 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại số B N, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày, cách nuôi dạy con chung.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T đã xuất hiện một thời gian dài. Chị N cho rằng không nhận được tình yêu thương, sự chia sẻ của anh T. Mặt khác, anh T ý thức được những thói quen trong sinh hoạt của mình không phù hợp với chị N nhưng chỉ nghĩ rằng đó là những việc hết sức bình thường. Chị N là người sống nội tâm, chị mong muốn nhận được sự chia sẻ của chồng mình trong cuộc sống nhưng anh T lại ít quan tâm đến cảm xúc của vợ dẫn đến anh chị mặc dù sống chung trong một nhà nhưng không còn chia sẻ những vui buồn trong cuộc sống với nhau. Trong mối quan hệ hôn nhân, việc "truyền thông giao tiếp vợ chồng", đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Nó giúp người ta gắn kết, đồng cảm, thấu hiểu nhau hơn. Chị N cần phải chủ động chia sẻ những suy nghĩ, lo lắng, băn khoăn, mệt mỏi cho anh T để được biết, có thể việc nghĩ rằng anh T phải tự đoán ra vấn đề của chị là quá khắt khe đối với quan điểm suy nghĩ và lối sống của anh T và ngược lại anh T cần phải tinh tế hơn để biết những suy nghĩ, thái độ của chị N để từ đó mới có thể hiểu và giải quyết được mọi mâu thuẫn để tránh sự im lặng trong sự bức bối, tức giận sẽ tiếp tục có khoảng lặng trong đời sống hôn nhân của anh chị. Thực tế, anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do lỗi của anh nhưng anh không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng vẫn diễn ra bình thường tuy nhiên tại phiên tòa, anh T thừa nhận anh không có biện pháp nào để khắc phục hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy chị N và anh T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ "*thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", "*nghĩa vụ sống chung với nhau*" quy định của Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 như vậy mâu thuẫn giữa chị N, anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Xác nhận chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T có hai con chung là Đỗ Thu G, sinh năm 1997 và Đỗ Thu T1, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị Thúy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 4 Điều 147; Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thúy N

Cho chị Phạm Thị Thúy N được ly hôn anh Đỗ Hải T

Về con chung: Xác nhận chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T có hai con chung là Đỗ Thu G, sinh năm 1997 và Đỗ Thu T1, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thúy N và anh Đỗ Hải T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu các bên tranh chấp và có yêu cầu giải quyết.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0019401 ngày 01/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- UBND phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (Cơ quan ĐKKH ngày 13/5/1997);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thúy Hoa